

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15/6/2023

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Phóng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tuyết.

2. Bà Nông Thị Diễm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang: Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2023/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H; sinh năm 2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã A, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã A, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, Chị Lương Thị H trình bày: Trước khi về sống chung, Chị và anh Hoàng Văn T có được tìm hiểu, yêu đương và tổ chức cưới theo tập quán địa phương vào tháng 5 năm 2016, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lạc vào tháng 5 năm 2018. Cuộc sống chung ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, do anh

T không chịu khó làm ăn, không chăm lo cuộc sống của vợ, con. Anh T đã được chị H và gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không thay đổi, nên chị H đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2021 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con, tên là Hoàng Tố N, sinh ngày 25/2/2017, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh T không có điều kiện chăm sóc.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung, hai người không tạo dựng được tài sản chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết án, anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu nên vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định. Do anh T không chịu hợp tác, nên Tòa đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại xóm, xã với kết quả: Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023 Hoàng Văn T, khai hai vợ chồng tổ chức cưới vào năm 2016 có được tìm hiểu đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã An Lạc, huyện Hạ Lang việc kết hôn là tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng có tình cảm, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vào cuối năm 2021 do vợ đi làm công nhân nên mới làm đơn xin ly hôn, hai vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Tố N sinh ngày 25/2/2017 hiện nay đang ở với chị H giữa hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, không còn quan tâm và yêu thương lẫn nhau, chị H yêu cầu được ly hôn tối nhất trí ly hôn, về con chung tối nhất trí giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tôi không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản, chị H xác định không tạo dựng được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Do anh T không có mặt theo giấy triệu tập mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nên vụ án không thể tiến hành lấy lời khai, hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến tham dự phiên tòa, nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị H, vì có căn cứ cho rằng: Hai vợ chồng không còn yêu thương và quan tâm đến nhau, đã có thời gian ly thân dài ngày, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên. Về con chung: Giao cháu Hoàng Tố N cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản chung: Do không có căn cứ để xác định có tài sản chung hay không nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục Tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt giấy tờ hợp lệ nhiều lần để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Hoàng Văn T không hợp tác, nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau đó, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại xóm, xã và triệu tập để anh T đến phiên tòa để xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định về việc đương sự vắng mặt lần thứ 2 như sau: “Bị đơn không có yêu cầu phản tố mà không có người đại diện tham gia thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Lương Thị H yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn T, dành quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận kể từ ngày đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021, do anh T, không quan tâm đến vợ con, giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: Cháu Hoàng Tố N, sinh ngày 25/2/2017 là con chung của chị H và anh T, hiện đang sống với Chị H. Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của bố mẹ, nhưng do bản thân anh T đang có hoàn cảnh khó khăn, cháu N có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ và sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con chung của hai người.

[5]. *Về tài sản chung*: Theo lời trình bày của chị H thì giữa anh T với chị không tạo dựng được tài sản gì, do anh T không chịu hợp tác nên chưa có căn cứ xác định được tài sản chung có hay không, do đó không có căn cứ để xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Lương Thị H phải chịu án phí về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 và 58 Luật hôn nhân gia đình;

Tuyên bố, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H. Quan hệ vợ chồng của chị H và anh T sẽ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Cháu Hoàng Tô N, sinh ngày 25/2/2017 là con chung của chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn T. Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có Bản án (Quyết định) khác thay thế, chưa đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T.

3. *Về tài sản chung:* Không đặt vấn đề xem xét.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang,

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lương Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã An Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Văn Phóng